**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG THUÊ KHOÁN CHUYÊN MÔN**

**Số: [[TKCM]]**

*Căn cứ Quyết định số [[QD\_KinhPhi]] ngày [[QD\_KinhPhi\_d]] về việc [[QD\_KinhPhi\_nd]];*

*Căn cứ Quyết định số [[QD\_PhanBo]] ngày [[QD\_PhanBo\_d]] về việc [[QD\_PhanBo\_nd]];*

*Căn cứ Quyết định số 3084/QĐ-TTNĐVN ngày xxxx về việc Ban hành Quy định thực hiện thanh quyết toán tiền công lao động trực tiếp đối với các đề tài, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước trong Trung tâm Nhiệt đới Việt – Nga;*

*Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,*

Hôm nay, [[TKCM\_d\_c]] tại Trung tâm nhiệt đới Việt – Nga Chi nhánh phía Nam chúng tôi gồm có:

### Bên giao khoán (Bên A): Trung tâm Nhiệt đới Việt – Nga Chi nhánh phía Nam

- Đại diện: **Ông Nguyễn Văn Thịnh**

- Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Số 3, Đường 3/2, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

- Tài khoản: 3711.1.9059782.00000 tại Kho bạc Nhà nước Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

### Bên nhận giao khoán (Bên B): Ông/Bà [[CNDT]]

- Chủ nhiệm nhiệm vụ, đại diện nhóm thực hiện nhiệm vụ

- Chức vụ: [[CNDT\_cv]]

- Địa chỉ: Số 3, Đường 3 tháng 2, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

- Số tài khoản: [[CNDT\_tk]].

Hai bên cùng nhau ký kết hợp đồng thuê khoán chuyên môn như sau:

**Điều 1: Nội dung công việc**

Bên A giao cho Bên B thực hiện công việc của các nội dung thuê khoán chuyên môn thuộc đề tài/nhiệm vụ: *“[[DuAn]]”*

*(Chi tiết phụ lục kèm theo)*

**Điều 2: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán**

- Giá trị hợp đồng: **[[HDTK\_gt]] đ** *[[HDTK\_gt\_c]]*,trong đó bao gồm:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Chủ nhiệm nhiệm vụ: | 75 công × 566.200 đ | = 42.465.000 đ |
| - Thành viên chính: | 30 công × 357.600 đ | = 10.728.000 đ |
| - Thành viên: | 112 công × 178.800 đ | = 20.025.600 đ |

*(Chi tiết Phụ lục kèm theo)*

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

- Phương thức thanh toán:Bên A thanh toán cho bên B 50% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là [[HDTK\_ngt]] đ *[[HDTK\_ngt\_c]]* ngay sau khi ký kết hợp đồng; Bên A thanh toán cho bên B, 50% giá trị hợp đồng còn lại tương ứng với số tiền là [[HDTK\_ngt]] đ *[[HDTK\_ngt\_c]]* sau khi hai bên ký biên bản nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

**Điều 3: Thời gian thực hiện hợp đồng:** [[ThoiGianThucHien]].

**Điều 4: Sản phẩm cần phải nộp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc theo Điều 1** | **Kết quả và sản phẩm** | **Yêu cầu** |
| 1 | Nội dung 2: Khảo sát một số loại nẹp xương dùng trong nước | Thông tin về một số loại nẹp đang sử dụng | - Kết quả hợp lý, logic |
| 2 | Nội dung 3: Nghiên cứu và chế tạo màng đa lớp đơn thành phần (Ti/TiN; Ti/CrN; Cr/TiN; Cr/CrN) dùng trong y sinh bằng các phương pháp khác nhau theo nguyên lý PVD trên mẫu từ thép không gỉ (304, 316) ) và màng SiC trên nền thép St3, 12X118H10T, O8XA13 để tạo lớp phủ bảo vệ và chống ăn mòn có độ bền cao cho khí hậu nhiệt đới. | 60 mẫu nền thép không gỉ phủ màng bảo vệ đa lớp đơn thành phần, 4 loại màng, 15 mẫu/màng | - Đầy đủ số lượng, chất lượng. |
| 3 | Nội dung 4: Nghiên cứu, so sánh và đánh giá sự ảnh hưởng của cấu trúc màng (số lớp, thứ tự, độ dày) đến cấu trúc bề mặt, độ cứng và khả năng chống ăn mòn của từng loại lớp phủ. | Biểu đồ (bảng) biểu diễn sự ảnh hưởng của cấu trúc đến tính chất chung của màng | - Kết quả hợp lý, logic |
| 4 | Nội dung 5: Nghiên cứu, so sánh và đánh giá sự ảnh hưởng của nhiệt độ đế đến độ cứng, khả năng chống ăn mòn của lớp phủ. | Biểu đồ (bảng) biểu diễn sự ảnh hưởng của nhiệt độ đế đến tính chất màng | - Kết quả hợp lý, logic |
| 5 | Nội dung 6: Thử nghiệm ăn mòn trong dung dịch mô phỏng cơ thể người (Simulated body fluid) | Biểu đồ (bảng) biểu diễn quá trình ăn mòn của màng trong dung dịch mô phỏng | - Kết quả hợp lý, logic |
| 6 | Nội dung 7: Thử nghiệm tự nhiên tại trạm Đầm báy, Cần Giờ. Nghiên cứu sự ăn mòn lâu dài của các lớp phủ trên bề mặt thép cho các thiết bị thiết kế trong các điều kiện khắc nghiệt. | Biên bản đặt mẫu | - Kết quả hợp lý, logic |

**Điều 5: Trách nhiệm, nghĩa vụ của bên nhận giao khoán (Bên B)**

**-** Bên B tham gia thực hiện nội dung công việc như tại Điều 1 của hợp đồng.

**-** Bên B phải bàn giao sản phẩm cho Bên A theo đúng thời gian của hợp đồng, kết quả phải đáp ứng các yêu cầu và phải được Hội đồng thẩm định sản phẩm của hợp đồng thuê khoán chuyên môn chấp nhận.

**-** Các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ chịu trách nhiệm hoàn thành phần công việc của mình đảm nhận và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.

**-** Đại diện nhóm thực hiện nhiệm vụ chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho các thành viên tham gia thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký.

**Điều 6: Trách nhiệm, nghĩa vụ của bên giao khoán (Bên A)**

**-** Bên A cung cấp các tài liệu cần thiết và tạo điều kiện để bên B thực hiện công việc

**-** Cùng bên B tiến hành bàn giao kết quả công việc. Bên A có quyền từ chối không ký biên bản nghiệm thu và yêu cầu Bên B thực hiện lại nếu kết quả công việc chưa đạt yêu cầu và không được Hội đồng thẩm định sản phẩm của hợp đồng thuê khoán chuyên môn chấp nhận.

**-** Thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo giá trị hợp đồng đã ký.

**Điều 7: Điều khoản chung**

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp thì hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần bình đẳng, hợp tác. Nếu các bên không tự giải quyết được thì một trong hai bên có quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền giải quyết.

Hợp đồng này được làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản. Hợp đồng này hiệu lực từ ngày ký./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN A** |  | **ĐẠI DIỆN BÊN B** |
| **Nguyễn Văn Thịnh** |  | **[[CNDT]]** |

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo hợp đồng TKCM số [[TKCM]] [[TKCM\_d\_c]])*

**I. Danh sách nhóm thành viên tham gia thực hiện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Thành viên tham gia** | **Kinh phí thực hiện** |
| 1 | Vũ Văn Huy | 42.465.000 |
| 2 | Đoàn Thanh Vân | 3.218.400 |
| 3 | Hoàng Đức Quang | 2.860.800 |
| 4 | Đinh Thị Vân | 3.218.400 |
| 5 | Nguyễn Chí Cường | 1.430.400 |
| 6 | Nguyễn Hữu Luyện | 6.973.200 |
| 7 | Ngô Thanh Bình | 6.615.600 |
| 8 | Phan Ngọc Tú | 6.436.800 |
| **Cộng** | | **73.218.600** |

**II. Yêu cầu sản phẩm công việc**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung, thành viên tham gia** | **Yêu cầu sản phẩm công việc** | **Tiền công theo ngày** (VNĐ) | **Số ngày công quy đổi** (ngày) | **Thành tiền** (VNĐ) | **Ghi chú** |
|  | **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông): *Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu trong kế hoạch* |  |  |  | **73.218.600** |  |
| 1 | Nội dung 2: Khảo sát một số loại nẹp xương dùng trong nước | Thông tin về các loại nẹp. Kết quả hợp lý, logic |  | **74** | **26.104.800** |  |
| *Chủ nhiệm nhiệm vụ* |  |  |  |  |  |
| Vũ Văn Huy |  | 566.200 | 24 | 13.588.800 |  |
| *Thành viên chính* |  |  |  |  |  |
| Đinh Thị Vân |  | 357.600 | 7 | 2.503.200 |  |
| Hoàng Đức Quang |  | 357.600 | 6 | 2.145.600 |  |
| Đoàn Thanh Vân |  | 357.600 | 7 | 2.503.200 |  |
| *Thành viên* |  |  |  |  |  |
| Nguyễn Hữu Luyện |  | 178.800 | 10 | 1.788.000 |  |
| Phan Ngọc Tú |  | 178.800 | 12 | 2.145.600 |  |
| Ngô Thanh Bình |  | 178.800 | 8 | 1.430.400 |  |
| 2 | Nội dung 3: Nghiên cứu và chế tạo màng đa lớp đơn thành phần (Ti/TiN; Ti/CrN; Cr/TiN; Cr/CrN) dùng trong y sinh bằng các phương pháp khác nhau theo nguyên lý PVD trên mẫu từ thép không gỉ (304, 316) ) và màng SiC trên nền thép St3, 12X118H10T, O8XA13 để tạo lớp phủ bảo vệ và chống ăn mòn có độ bền cao cho khí hậu nhiệt đới. | 60 mẫu nền thép không gỉ phủ màng bảo vệ đa lớp đơn thành phần, 4 loại màng, 15 mẫu/màng |  | **12** | **3.695.200** |  |
| *Chủ nhiệm nhiệm vụ* |  |  |  |  |  |
| Vũ Văn Huy |  | 566.200 | 4 | 2.264.800 |  |
| *Thành viên* |  |  |  |  |  |
| Nguyễn Hữu Luyện |  | 178.800 | 4 | 715.200 |  |
| Ngô Thanh Bình |  | 178.800 | 4 | 715.200 |  |
| 3 | Nội dung 4: Nghiên cứu, so sánh và đánh giá sự ảnh hưởng của cấu trúc màng (số lớp, thứ tự, độ dày) đến cấu trúc bề mặt, độ cứng và khả năng chống ăn mòn của từng loại lớp phủ. | 'Biểu đồ (bảng) biểu diễn sự ảnh hưởng của cấu trúc đến tính chất chung của màng. Kết quả hợp lý, logic |  | **90** | **30.276.800** |  |
| *Chủ nhiệm nhiệm vụ* |  |  |  |  |  |
| Vũ Văn Huy |  | 566.200 | 32 | 18.118.400 |  |
| *Thành viên chính* |  |  |  |  |  |
| Đinh Thị Vân |  | 357.600 | 2 | 715.200 |  |
| Đoàn Thanh Vân |  | 357.600 | 2 | 715.200 |  |
| Hoàng Đức Quang |  | 357.600 | 2 | 715.200 |  |
| Nguyễn Chí Cường |  | 357.600 | 4 | 1.430.400 |  |
| *Thành viên* |  |  |  |  |  |
| Phan Ngọc Tú |  | 178.800 | 16 | 2.860.800 |  |
| Nguyễn Hữu Luyện |  | 178.800 | 16 | 2.860.800 |  |
| Ngô Thanh Bình |  | 178.800 | 16 | 2.860.800 |  |
| 4 | Nội dung 5: Nghiên cứu, so sánh và đánh giá sự ảnh hưởng của nhiệt độ đế đến độ cứng, khả năng chống ăn mòn của lớp phủ | Biểu đồ (bảng) biểu diễn sự ảnh hưởng của nhiệt độ đế đến tính chất màng. Kết quả hợp lý, logic |  | **13** | **4.261.400** |  |
| *Chủ nhiệm nhiệm vụ* |  |  |  |  |  |
| Vũ Văn Huy |  | 566.200 | 5 | 2.831.000 |  |
| *Thành viên* |  |  |  |  |  |
| Nguyễn Hữu Luyện |  | 178.800 | 4 | 715.200 |  |
| Phan Ngọc Tú |  | 178.800 | 4 | 715.200 |  |
| 5 | Nội dung 6: Thử nghiệm ăn mòn trong dung dịch mô phỏng cơ thể người (Simulated body fluid) | Biểu đồ (bảng) biểu diễn quá trình ăn mòn của màng trong dung dịch mô phỏng. Kết quả hợp lý, logic |  | **15** | **4.619.000** |  |
| *Chủ nhiệm nhiệm vụ* |  |  |  |  |  |
| Vũ Văn Huy |  | 566.200 | 5 | 2.831.000 |  |
| *Thành viên* |  |  |  |  |  |
| Ngô Thanh Bình |  | 178.800 | 5 | 894.000 |  |
| Nguyễn Hữu Luyện |  | 178.800 | 5 | 894.000 |  |
| 6 | Nội dung 7: Thử nghiệm tự nhiên tại trạm Đầm báy, Cần Giờ. Nghiên cứu sự ăn mòn lâu dài của các lớp phủ trên bề mặt thép cho các thiết bị thiết kế trong các điều kiện khắc nghiệt. | Biên bản đặt mẫu. Kết quả hợp lý, logic |  | **13** | **4.261.400** |  |
| *Chủ nhiệm nhiệm vụ* |  |  |  |  |  |
| Vũ Văn Huy |  | 566.200 | 5 | 2.831.000 |  |
| *Thành viên* |  |  |  |  |  |
| Ngô Thanh Bình |  | 178.800 | 4 | 715.200 |  |
| Phan Ngọc Tú |  | 178.800 | 4 | 715.200 |  |